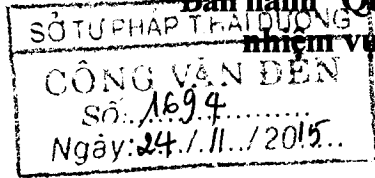


Số: **20** /2015/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **19** tháng 11 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành "Quy định quản lý và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương"**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;  
Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và Công nghệ;  
Căn cứ Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định quản lý và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 06/02/2012 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành "Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương".

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Tr*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra Văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT. (70b)✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Hiền**

*Hải Dương, ngày 19 tháng 11 năm 2015*

## **QUY ĐỊNH**

**Quản lý và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Hải Dương)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này điều chỉnh các hoạt động: xác định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, quyết toán kinh phí; hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (KH&CN); tổng kết, nghiệm thu đánh giá, công bố, lưu giữ kết quả nghiên cứu và tổ chức nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN, các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **Điều 3. Giải thích một số thuật ngữ trong văn bản**

1. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương, được thể hiện dưới hình thức một đề tài, dự án, kế hoạch khung, chương trình, đề án KH&CN.

2. Đề tài KH&CN là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

3. Dự án KH&CN là nhiệm vụ KH&CN giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được triển khai dưới hình thức dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm là nhiệm vụ KH&CN nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp,

phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

5. Kế hoạch khung là nhiệm vụ KH&CN tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu đã được khẳng định nhằm giải quyết vấn đề cấp thiết trong sản xuất và đời sống xã hội trong khoảng thời gian được quy định cụ thể.

6. Chương trình KH&CN là nhiệm vụ KH&CN có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài, dự án KH&CN nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, quốc phòng của tỉnh.

7. Đề án KH&CN là nhiệm vụ KH&CN nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

8. Khoán chi là giao quyền tự chủ tài chính cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong việc sử dụng kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gắn với trách nhiệm về các kết quả của nhiệm vụ được giao đúng mục tiêu, yêu cầu.

9. Sản phẩm cuối cùng là sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN phê duyệt và được quy định trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

#### **Điều 4. Tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Nhiệm vụ KH&CN có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi của tỉnh; phải lý giải được những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc định hướng phát triển chung của tỉnh hoặc đáp ứng một cách thiết thực và có hiệu quả những nhu cầu bức xúc về KH&CN trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh Hải Dương: nhiệm vụ KH&CN phải có tính mới, có tính sáng tạo, tính tiên tiến so với hiện trạng trên địa bàn tỉnh và có tính khả thi. Việc xác định mục tiêu, đối tượng của nhiệm vụ KH&CN phải căn cứ vào việc đánh giá khách quan thực trạng phát triển KH&CN trong tỉnh, thành tựu phát triển KH&CN trong nước, trên thế giới, nguồn lực KH&CN của tỉnh và khả năng hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, đào tạo hoặc các tỉnh, thành phố khác.

3. Các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải có địa chỉ ứng dụng trong sản xuất, đời sống, an ninh, quốc phòng; phải có tác động tích cực đến phát triển KH&CN, kinh tế và xã hội của các cấp, các ngành nói riêng và của tỉnh nói chung.

4. Thời gian thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không quá 60 tháng đối với kế hoạch khung, chương trình, đề án; 36 tháng đối với dự án, đề tài.

#### **Điều 5. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ**

1. Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh là tổ chức tư vấn của Chủ tịch UBND tỉnh về hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh. Hội đồng khoa học và công nghệ

nghệ tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, thành viên Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn KH&CN) uỷ quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Hoạt động của Hội đồng tư vấn KH&CN theo quy định hiện hành.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ** **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Mục 1** **XÁC ĐỊNH, TUYỂN CHỌN VÀ PHÊ DUYỆT CÁC NHIỆM VỤ** **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

#### **Điều 6. Nguồn hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Nhiệm vụ KH&CN do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đặt hàng để giải quyết những vấn đề bức xúc trong sản xuất, đời sống, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là nhiệm vụ KH&CN đặt hàng).

2. Các nhiệm vụ KH&CN được các bộ, ngành Trung ương chỉ đạo phối hợp thực hiện để giải quyết vấn đề chung của cả nước, của vùng và khu vực.

3. Các nhiệm vụ KH&CN do các tổ chức và cá nhân đề xuất (các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể chính trị-xã hội, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, các nhà khoa học độc lập, v.v...) nhằm giải quyết các nhu cầu bức xúc của sản xuất, đời sống, xã hội, an ninh, quốc phòng; quản lý kinh tế, kỹ thuật và quản lý xã hội ở một ngành, một địa phương trong tỉnh hoặc các vấn đề bức xúc của sản xuất, kinh doanh, đổi mới công nghệ, có tác động đến nhiều lĩnh vực.

#### **Điều 7. Quy trình tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN do các tổ chức và cá nhân đề xuất:

a) Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, an ninh-quốc phòng, xây dựng Đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan Nhà nước có liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo các định hướng KH&CN ưu tiên của tỉnh để các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, đoàn thể trong tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh; các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh, cá nhân đăng ký thực hiện hoặc đề xuất các nhiệm vụ KH&CN.

Sau khi nhận được đề cương nhiệm vụ KH&CN của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cá nhân, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức rà soát loại bỏ các nhiệm vụ KH&CN không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Điều 4 quy định này.

b) Các Hội đồng tư vấn xác định các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước về các lĩnh vực khoa học và công nghệ sau đây:

- Khoa học tự nhiên;
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Khoa học y, dược;
- Khoa học nông nghiệp;
- Khoa học xã hội;
- Khoa học nhân văn.

Mỗi hội đồng tư vấn có từ 7 - 9 thành viên, trong đó Chủ tịch hội đồng là Giám đốc hoặc Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; các thành viên khác là đại diện của cơ quan quản lý nhà nước, đại diện đơn vị sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các chuyên gia chuyên ngành của tỉnh hoặc của các cơ quan Trung ương.

Các hội đồng tư vấn KH&CN tiến hành lựa chọn các nhiệm vụ KH&CN đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 4 để đưa vào dự thảo kế hoạch KH&CN cấp tỉnh. Những nhiệm vụ KH&CN được từ 50% trở lên các thành viên hội đồng có mặt tại buổi họp hội đồng bỏ phiếu hoặc biểu quyết đồng ý lựa chọn sẽ được đưa vào dự thảo Kế hoạch KH&CN.

c) Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan thành lập Tổ thẩm định nội dung và dự toán kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN.

Tổ thẩm định căn cứ vào kết quả làm việc của các hội đồng tư vấn tiến hành thẩm định thuyết minh, nội dung và dự toán kinh phí cần thiết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, số kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước, khả năng và địa chỉ áp dụng, kết quả dự kiến đối với sản phẩm tạo ra của nhiệm vụ KH&CN để tổng hợp thành dự thảo Kế hoạch KH&CN (lần 1) trình Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

d) Dự thảo Kế hoạch KH&CN (lần 1) phải được đưa ra Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh xem xét và cho ý kiến. Những nhiệm vụ KH&CN được từ 50% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt tại buổi họp hội đồng bỏ phiếu đồng ý hoặc biểu quyết chấp thuận sẽ được đưa vào dự thảo Kế hoạch khoa học và công nghệ (lần 2).

Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng, nội dung các nhiệm vụ KH&CN, chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước được giao năm kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát dự toán kinh phí chi cho từng nhiệm vụ KH&CN, xây dựng dự thảo kế hoạch KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đặt hàng; các bộ, ngành Trung ương trực tiếp chỉ đạo thực hiện:

a) Hằng năm Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh họp để đề ra định hướng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng của tỉnh.

b) Giao Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng tư vấn KH&CN tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện, thẩm định nội dung, dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

## **Điều 8. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN hình thành theo đề xuất của các tổ chức và cá nhân:

a) Tổ chức hoặc cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN được đưa vào Kế hoạch KH&CN của tỉnh sẽ được ưu tiên lựa chọn chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đó.

b) Không giao nhiệm vụ KH&CN cho các tổ chức, cá nhân không đủ khả năng thực hiện; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng tiến độ các nội dung nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt mà không có lý do chính đáng; quyết toán, nộp kinh phí thu hồi, nộp báo cáo khoa học của các nhiệm vụ KH&CN được giao năm trước không đúng quy định.

c) Các tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được phép giao khoán cho các tổ chức và cá nhân khác có đủ điều kiện về trang thiết bị, nhân lực, kinh nghiệm, v.v... tiến hành một phần công việc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đặt hàng; các bộ, ngành Trung ương trực tiếp chỉ đạo thực hiện:

a) Giao Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Việc tuyển chọn phải được tiến hành công khai, công bằng, dân chủ và khách quan trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cần được thực hiện và kết quả tuyển chọn phải được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

b) Những nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có tính chất đặc biệt quan trọng và có độ bảo mật cao sẽ do UBND tỉnh tiến hành lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện theo phương thức riêng.

3. Ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Ban chủ nhiệm cho từng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Trường hợp đặc biệt sẽ do Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ định Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN.

## Mục 2

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

## **Điều 9. Phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí, ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Căn cứ vào nội dung và tổng dự toán kinh phí đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt cho từng nhiệm vụ KH&CN, ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh, dự toán kinh phí chi tiết cho từng nhiệm vụ KH&CN và ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định phê duyệt Kế hoạch KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ phải tiến hành ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hình thức khoán chi

từng phần hoặc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

### **Điều 10. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tiến độ thực hiện trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ làm thủ tục cấp kinh phí cho các tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đối với nhiệm vụ KH&CN kết thúc trong năm kế hoạch kinh phí để lại cấp vào năm sau tối đa là 10% kinh phí hợp đồng, cấp sau khi nhiệm vụ KH&CN được đánh giá nghiệm thu hoặc tổng kết, báo cáo khoa học và các sản phẩm khoa học khác được nộp đầy đủ cho Sở Khoa học và Công nghệ và sau khi thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 11. Điều chỉnh nội dung và kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định điều chỉnh quy mô, nội dung, tiến độ thực hiện, dự toán kinh phí chi tiết trong thuyết minh của từng nhiệm vụ KH&CN khi có phát sinh nhưng không thay đổi tổng dự toán, đảm bảo mục tiêu và kết quả dự kiến của nhiệm vụ KH&CN đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, tổng dự toán, và kinh phí thu hồi của các nhiệm vụ KH&CN do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

## Mục 3

### **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ VÀ NHÂN RỘNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Điều 12. Kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra tiến độ định kỳ hoặc đột xuất và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí. Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN không được thực hiện hoặc thực hiện chậm quá thời hạn so với tiến độ ghi trong Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh cho đình chỉ thực hiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổ chức quyết toán kinh phí thực hiện cho các nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 13. Chuẩn bị báo cáo khoa học**

1. Sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc Hợp đồng KH&CN, tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải nộp Báo cáo khoa học kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN về Sở Khoa học và Công nghệ để nghiệm thu hoặc tổng kết.

2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do đơn vị thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện phải được

thông qua từ cấp cơ sở.

3. Báo cáo khoa học phải thể hiện được nội dung và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, phải được trình bày theo mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chung cho các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

#### **Điều 14. Đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào nội dung, hàm lượng khoa học và công nghệ của từng nhiệm vụ KH&CN quyết định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hình thức tổng kết hoặc nghiệm thu và thành lập các Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh.

2. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tiến hành trên cơ sở nội dung đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, thuyết minh, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các văn bản có liên quan trong quá trình thực hiện.

#### **Điều 15. Các hình thức đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

##### **1. Tổng kết:**

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoặc đánh giá kết quả 1 năm thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Trong đó, cần xác định kết quả thực hiện, sử dụng kinh phí và khả năng nhân rộng.

##### **2. Nghiệm thu cấp cơ sở:**

a) Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm nghiệm thu cấp cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh.

b) Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có 07 thành viên bao gồm chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác do cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN ra quyết định thành lập.

c) Những người tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN không là thành viên hội đồng.

##### **3. Nghiệm thu cấp tỉnh:**

a) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu có 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng tại buổi họp hội đồng thì ủy quyền cho phó chủ tịch hội đồng chủ trì.

- Các thành viên khác gồm đại diện Sở Tài chính, đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, đại diện của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có

liên quan trực tiếp đến nội dung thực hiện của nhiệm vụ KH&CN, các thành viên còn lại là các chuyên gia am hiểu sâu các nội dung của nhiệm vụ KH&CN và các tổ chức, cá nhân sẽ áp dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Thành viên Ban chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN và những người tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN không là thành viên hội đồng nghiệm thu.

b) Đối với những nhiệm vụ KH&CN cần đánh giá sâu về các lĩnh vực chuyên môn thì Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia tư vấn thẩm định các nội dung cần thiết trước khi tiến hành nghiệm thu.

4. Đối với nhiệm vụ KH&CN đặc biệt quan trọng sẽ do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu.

### **Điều 16. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo thang điểm 100 với các tiêu chí và mức điểm như sau:

1. Hoàn thành mục tiêu, nội dung nghiên cứu theo thuyết minh và Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN; có báo cáo trình bày rõ ràng, đúng hướng dẫn được đánh giá tối đa 50 điểm. Mỗi nội dung không được thực hiện hoặc báo cáo viết không đạt yêu cầu bị trừ 05 điểm, tối đa không quá 50 điểm.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN với hàm lượng khoa học cao, nhiều tính mới, tiến bộ hơn hiện trạng trên địa bàn tỉnh được đánh giá tối đa 20 điểm.

3. Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn được đánh giá tối đa 20 điểm.

4. Tổ chức và quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, sử dụng kinh phí được cấp và quyết toán kịp thời được đánh giá tối đa 10 điểm.

### **Điều 17. Đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

Số điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu. Căn cứ vào số điểm, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được xếp loại như sau:

1. Loại xuất sắc có số điểm từ 90 đến 100 điểm

2. Loại khá có số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm.

3. Loại đạt có số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm.

4. Loại không đạt có số điểm dưới 60 điểm.

### **Điều 18. Quản lý sau nghiệm thu**

1. Sau khi tiếp nhận báo cáo khoa học trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trả lời chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN về việc báo cáo khoa học đạt hoặc không đạt.

2. Trong vòng 15 ngày sau khi nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu hoặc tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo khoa học theo kết luận của Hội đồng, nộp 03 bản báo cáo chính thức bằng giấy khổ A4 được đóng bìa cứng và 01 bản dữ liệu điện tử về Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện lưu trữ.

3. Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả về các lý do khách quan, chủ quan để chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí đơn vị, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện việc đăng ký lưu giữ kết quả nghiên cứu tại Sở Khoa học và Công nghệ. Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo các quy định hiện hành. Trường hợp cần tổ chức nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

#### Mục 4

### THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THANH LÝ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

#### **Điều 19. Chế độ khoán chi, thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Kinh phí từ ngân sách tỉnh cấp cho các nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo tiến độ được phê duyệt và kết quả kiểm tra về khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành. Các khoản chi từ ngân sách cấp cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo chế độ tài chính hiện hành cho hoạt động KH&CN.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần thực hiện theo Điều 15, 16 và 17 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và Công nghệ.

3. Căn cứ vào Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải tiến hành quyết toán kinh phí được cấp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành khác.

4. Sau khi thanh quyết toán kinh phí được cấp đợt trước mới cấp tiếp kinh phí đợt sau.

5. Kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo các quy định hiện hành.

6. Kinh phí đã cấp cho các nhiệm vụ KH&CN không được thực hiện theo

Hợp đồng do nguyên nhân chủ quan của các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện phải làm rõ trách nhiệm và được thu hồi theo quy định hiện hành.

7. Sau khi kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được tổng kết hoặc đánh giá nghiệm thu, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải thanh lý Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 20. Xử lý vi phạm hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Những nhiệm vụ KH&CN không tiến hành hoàn chỉnh thuyết minh, dự toán và ký hợp đồng KH&CN theo tiến độ quy định thì tiền công của chủ nhiệm vụ KH&CN và kinh phí quản lý nhiệm vụ sẽ không được tính cho các tháng chậm thực hiện.

2. Những nhiệm vụ KH&CN triển khai thực hiện chậm hơn 1/6 thời gian so với tiến độ thống nhất trong Hợp đồng và những nhiệm vụ KH&CN thực hiện không đúng tiến độ, không đạt khối lượng công việc, yêu cầu về sản phẩm KH&CN mà thời gian còn lại ít hơn 1/5 thời gian thực hiện theo Hợp đồng thì Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh cho đình chỉ thực hiện.

3. Việc xử lý kinh phí nhà nước đã cấp cho các nhiệm vụ KH&CN phải đình chỉ thực hiện được xử lý theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, nếu tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động KH&CN thì sẽ bị xử phạt theo quy định pháp luật hiện hành.

#### **Điều 21. Các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài Chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

### **Chương III**

#### **ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 22. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư Liên tịch số

55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính-Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Ngoài ra, quy định này quy định bổ sung thêm một số yếu tố đầu vào cấu thành dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN như sau:

- Công cán bộ địa phương hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
- Chi hỗ trợ thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y, thuốc thủy sản, chế phẩm sinh học,...
- Chi hỗ trợ về giống cây trồng vật nuôi đưa vào nghiên cứu, sản xuất thử, sản xuất trình diễn, mô hình sản xuất mở rộng.
- In ấn, xuất bản và phát hành các sản phẩm nghiên cứu.
- Chi hội thảo đánh giá tiên độ thực hiện.
- Tuyên truyền, xăng xe phục vụ hoạt động nghiên cứu.
- Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

**Điều 23. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ. Quy định này quy định cụ thể một số khung định mức chi tối đa như sau:

**1. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu ( $H_{cd}$ )	Hệ số lao động khoa học ( $H_{kh}$ )	Hệ số tiền công theo ngày $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2	0,63
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	1,6	0,39
3	Thành viên	3,66	1,2	0,2
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, cán bộ địa phương hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN	2,86	1,0	0,13

Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, cán bộ địa phương hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định còn lại của bảng này.

## 2. Thuê chuyên gia phối hợp nghiên cứu

### a) Thuê chuyên gia trong nước:

Nhiệm vụ KH&CN cần phải thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét đưa vào dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hợp đồng thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Định mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng). Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

### b) Thuê chuyên gia ngoài nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét đưa vào dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hợp đồng thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Định mức xây dựng dự toán chi hội thảo khoa học, hội thảo đánh giá tiến độ, nghiệm thu cấp cơ sở, chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ nghiên cứu.

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<b>Chi hội thảo khoa học</b>	Buổi	
	Chủ trì hội thảo		600
	Thư ký hội thảo		300
	Báo cáo tham luận tại hội thảo do cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng (nếu có)	Báo cáo	1.200
	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo (nếu có)	Báo cáo	800
	Đại biểu được mời tham dự		150
2	<b>Chi hội thảo đánh giá tiến độ</b>	Buổi	
	Chủ trì hội thảo		300
	Thư ký hội thảo		200
	Thành viên		150
3	<b>Chi nghiệm thu cấp cơ sở</b>		
a	<i>Chi hợp Hội đồng nghiệm thu</i>	Buổi	
	Chủ tịch hội đồng		600
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400

(1)	(2)	(3)	(4)
	Đại biểu được mời tham dự		100
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300
<b>4</b>	<b>Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu</b>		
<i>a</i>	<i>Lập mẫu phiếu điều tra, khảo sát được duyệt</i>	Mẫu phiếu	
	Đến 30 chỉ tiêu		750
	Trên 30 chỉ tiêu		1.000
	Trên 40 chỉ tiêu		1.500
<i>b</i>	<i>Hội thảo thẩm định nội dung phiếu điều tra, khảo sát; hội thảo đánh giá kết quả điều tra, khảo sát</i>	Buổi	
	Chủ trì hội thảo		300
	Thư ký hội thảo		200
	Đại biểu được mời tham dự		100
<i>c</i>	<i>Thu thập thông tin: (khoản gọn bao gồm điều tra viên, người đưa đường, người cung cấp thông tin, v.v...)</i>		
	Cá nhân:		
	Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	30
	Trên 30 chỉ tiêu		40
	Trên 40 chỉ tiêu		50
	Tổ chức:		
	Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	70
	Trên 30 chỉ tiêu		80
	Trên 40 chỉ tiêu		100
<i>d</i>	<i>Xử lý, phân tích số liệu điều tra, khảo sát và lập báo cáo kết quả</i>		
	Đến 500 phiếu điều tra, khảo sát	Báo cáo	5.000
	Trên 500 phiếu điều tra, khảo sát	Báo cáo	8.000

#### 4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN tối đa bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 150 triệu đồng.

#### 5. Các định mức hỗ trợ xây dựng mô hình của nhiệm vụ KH&CN

a) Đối với giống cây trồng, vật nuôi đưa vào khảo nghiệm, áp dụng sản xuất thử lần đầu trên địa bàn tỉnh:

- Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống cây trồng, vật nuôi.
  - Hỗ trợ 100% phân bón, chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật: là loại đặc chủng hoặc theo yêu cầu khoa học.
  - Hỗ trợ 100% thuốc thú y, thuốc thủy sản.
- b) Đối với giống cây, giống con đưa vào mô hình sản xuất trình diễn, mô hình sản xuất mở rộng:
- Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống cây, con.
  - Hỗ trợ 50% phân bón, chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật: là loại đặc chủng hoặc theo yêu cầu khoa học.
  - Hỗ trợ 50% thuốc thú y, thuốc thủy sản.
6. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định hiện hành của tỉnh và các quy định hiện hành của pháp luật.

#### **Điều 24. Nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ. Ngoài ra, quy định này quy định bổ sung thêm các nội dung chi sau:

- Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm định nội dung, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
- Hội trường, nước uống, khánh tiết... phục vụ các Hội đồng tư vấn, hội thảo khoa học, Hội nghị nghiệm thu, tổng kết,...
- Chi tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoặc đánh giá kết quả 1 năm thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
- Chi họp Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh.
- Văn phòng phẩm, điện, nước, xăng xe và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

#### **Điều 25. Định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN**

##### **1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng**

##### **a) Chi tiền công.**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khung định mức chi tối đa</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&amp;CN</b>		
<i>a</i>	<i>Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ</i>	Buổi	

(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>KH&amp;CN</i>		
	Chủ tịch hội đồng		800
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600
	Thư ký hành chính		250
	Đại biểu được mời tham dự		150
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&amp;CN</b>		
<i>a</i>	<i>Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&amp;CN</i>	Buổi	
	Chủ tịch hội đồng		1.200
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800
	Thư ký hành chính		250
	Đại biểu được mời tham dự		150
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		600
<b>3</b>	<b>Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&amp;CN</b>		
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	400
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150
<b>4</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&amp;CN</b>		
<i>a</i>	<i>Chi họp Hội đồng nghiệm thu</i>	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.200
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800
	Thư ký hành chính		250
	Đại biểu được mời tham dự		150
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		600
<b>5</b>	<b>Hội thảo khoa học, tổng kết, đánh giá kết quả 1 năm thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN</b>	Buổi/Nhiệm vụ	

(1)	(2)	(3)	(4)
	Chủ trì		600
	Thư ký		300
	Thư ký hành chính		250
	Đại biểu được mời tham dự		150
<b>6</b>	<b>Họp Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh</b>	Buổi	
	Chủ tịch hội đồng		1.200
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800
	Đại biểu được mời tham dự		150

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc, các quy định của tỉnh và các quy định hiện hành của pháp luật.

## 2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc Sở Khoa học và Công nghệ thấy cần thiết), Sở Khoa học và Công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, kết quả tuyển chọn, danh mục các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trên các phương tiện truyền thông: xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ); kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được áp dụng bằng mức chi họp hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 3 Điều 23 quy định này.

## Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### **Điều 26. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cá nhân**

Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trong lĩnh vực được phân cấp quản lý; đề xuất với UBND tỉnh những vấn đề đặt hàng, những nhiệm vụ KH&CN cần tuyển chọn tổ chức hoặc cá nhân thực hiện và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, tổ chức nhân rộng kết quả nghiên cứu, triển khai, thử nghiệm của các nhiệm vụ KH&CN sau khi được tổng kết, đánh giá nghiệm thu.

**Điều 27. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Chỉ đạo việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và thông qua Hội đồng KH&CN cùng cấp trước khi đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ.
2. Cử cán bộ có năng lực về tổ chức và chuyên môn chủ trì nhiệm vụ KH&CN hoặc tham gia, phối hợp nghiên cứu.
3. Chỉ đạo việc quản lý và sử dụng kinh phí được cấp để thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KH&CN đúng mục đích và quy định hiện hành.
4. Chỉ đạo việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, giao nộp sản phẩm nghiên cứu, thực hiện thanh quyết toán tài chính và thanh lý Hợp đồng KH&CN theo quy định hiện hành.
5. Tổ chức triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống sau khi được nghiệm thu hoặc tổng kết; thực hiện báo cáo về hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Trong thời gian 15 ngày sau khi nhận được thông báo nhiệm vụ KH&CN đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phải tiến hành hoàn chỉnh thuyết minh và dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN.
2. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đúng nội dung, tiến độ trong thuyết minh và Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
3. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN với cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) và Sở Khoa học và Công nghệ.
4. Sử dụng kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đúng hợp đồng và quy định hiện hành.
5. Viết báo cáo khoa học và bảo vệ trước Hội nghị tổng kết hoặc Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và cấp tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN khi kết thúc Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
6. Bảo mật các nội dung, kết quả nghiên cứu và phát triển theo quy định của pháp luật.
7. Phối hợp cùng các tổ chức và cá nhân tổ chức nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
8. Thanh quyết toán kinh phí, nộp kinh phí thu hồi (nếu có), nộp báo cáo khoa học kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cùng các sản phẩm KH&CN cho Sở Khoa học và Công nghệ. Thực hiện đăng ký lưu giữ kết quả nghiên cứu, lưu giữ chứng từ chi theo quy định hiện hành.

## **Điều 29. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Hướng dẫn tổ chức và cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN hằng năm và 5 năm; tuyển chọn tổ chức hoặc cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặt hàng.
2. Xây dựng Kế hoạch KH&CN hằng năm, 5 năm trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt.
3. Hằng năm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của tỉnh theo quy định, xây dựng dự toán kinh phí đối với hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.
4. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, thanh quyết toán tài chính với các chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN.
5. Tổ chức đánh giá nghiệm thu, tổng kết; đăng ký lưu giữ kết quả nghiên cứu, công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
6. Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong năm.
7. Đề xuất các hình thức khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

## **Điều 30. Trách nhiệm của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Cân đối ngân sách hằng năm cho sự nghiệp KH&CN; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, theo dõi, đánh giá các nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

## **Điều 31. Quyền lợi của tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Được đảm bảo quyền tác giả và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
2. Được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện ra tòa án theo quy định của pháp luật đối với các hành vi sai trái của các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

## **Điều 32. Điều khoản thi hành**

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã được phê duyệt trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các quy định còn hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.
2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các cấp, ngành

có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu phát hiện những nội dung không phù hợp; hoặc chưa đầy đủ, các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /: *tu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Hiện**